

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban
nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Giấy xác nhận số 181/XN-KCNĐN ngày 24 tháng 11 năm 2017 của
Ban Quản lý các Khu công nghiệp xác nhận Công ty Công ty Trách nhiệm hữu
hạn Pretec World đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Sản xuất
máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng và chi tiết máy công suất 95 tấn sản
phẩm/năm; Sản xuất công cụ và thiết bị đo đạc với công suất 3 tấn sản phẩm/năm;
Sản xuất sản phẩm bằng kim loại với công suất 10 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất
sản phẩm bằng nhựa với công suất 0,8 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm
bằng sứ với công suất 7,6 tấn sản phẩm/năm”;

Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World tại Văn bản số
01/VB-PRETEC ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi
trường của dự án “Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng và chi tiết
máy công suất 95 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất công cụ và thiết bị đo đạc với công
suất 3 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại với công suất 10 tấn
sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng nhựa với công suất 0,8 tấn sản
phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng sứ với công suất 8 tấn sản phẩm/năm”; Văn
bản số 01/VBGT-PRETECWORLD ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc giải trình
và chỉnh sửa nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở và
các hồ sơ kèm theo;



Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1743/TTr-TNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Văn bản số 4896/TNMT-MTKS ngày 20 tháng 12 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World, địa chỉ tại nhà xưởng cho thuê 3-1, đường N3-2, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng và chi tiết máy công suất 95 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất công cụ và thiết bị đo đạc với công suất 3 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại với công suất 10 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng nhựa với công suất 0,8 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng sứ với công suất 8 tấn sản phẩm/năm” tại nhà xưởng cho thuê 3-1, đường N3-2, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng và chi tiết máy công suất 95 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất công cụ và thiết bị đo đạc với công suất 3 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại với công suất 10 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng nhựa với công suất 0,8 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng sứ với công suất 8 tấn sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: nhà xưởng cho thuê 3-1, đường N3-2, Khu Công nghiệp Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (*thuê nhà xưởng trong Khu công nghiệp Long Đức giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Long Đức và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World theo hợp đồng thuê nhà xưởng số: 231107/HĐ-TD, Hợp đồng ba bên theo hợp đồng thuê nhà xưởng trong Khu Công nghiệp Long Đức số 07-06/HĐKT - LD/2023 ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Long Đức, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Bất động sản Daiwa House và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World*).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3603500022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2022. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6518154986, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 24 tháng 02 năm 2023, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp.

1.4. Mã số thuế: 3603500022.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng và chi tiết máy; Sản xuất công cụ và thiết bị đo đạc; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng nhựa; Sản xuất sản phẩm bằng sứ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng của cơ sở là 506,25 m².
- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp chuyên dụng và chi tiết máy công suất 95 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất công cụ và thiết bị đo đạc với công suất 3 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại với công suất 10 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng nhựa với công suất 0,8 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất sản phẩm bằng sứ với công suất 8 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Long Đức;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Long Đức;
- Lưu: VT - NN (PTN).

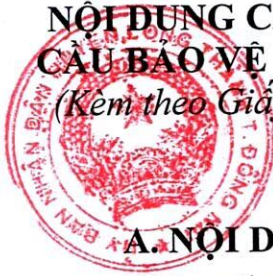
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Thân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 14602/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Đức, không xả ra môi trường).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Pretec World đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Đức.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hồ ga đầu nối

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm nước từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom theo đường ống nhựa PVC 150mm, độ dốc $i=0,5\%$ về trực tiếp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất xử lý 150 người (do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Long Đức chịu trách nhiệm vận hành) của khu nhà xưởng cho thuê. Nước thải sau xử lý được dẫn về đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Đức để xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam 40:2011/BTNMT, Cột A trước khi xả ra suối Nước Trong.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 150 người (của nhà xưởng cho thuê) → Hệ thống thu gom nước thải của nhà xưởng cho thuê → Hồ ga tập trung → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Đức.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Long Đức, không xả trực tiếp ra môi trường; Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đầu nổi và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Long Đức để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14.602/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: từ khu vực gia công;
- Nguồn số 02: từ khu vực mài;
- Nguồn số 03: từ máy nén khí.

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: từ khu vực gia công; tọa độ: X= 1198934 Y=416433;
- Nguồn số 02: từ khu vực mài; tọa độ: X= 1198939; Y=416425;
- Nguồn số 03: từ máy nén khí; tọa độ: X= 1198934; Y=416433.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

ST T	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L _{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn cao ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Lắp đặt các đệm cao su cho máy móc thiết bị phát sinh độ rung cao;
- Tăng cường các vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc thiết bị có thể gây ồn lớn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác;
- Trang bị nút tai chống ồn và các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc ở khu vực sản xuất và có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân (đặc biệt lưu ý kiểm tra chặt chẽ tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao), đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân;
- Định kỳ tổ chức đo kiểm tra tiếng ồn nơi làm việc tối thiểu 1 lần/năm;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao;

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BTNMT*) và độ rung (*Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT*) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14662/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm
2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	2	16 01 06	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có clo	Lỏng	2.750	17 02 02	NH
3	Các loại dầu thải khác	Lỏng	1.100	17 02 04	NH
4	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	1.000	07 03 05	NH
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	65	18 02 01	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	10	18 01 02	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	22	18 01 03	KS
8	Bao bì mềm thải	Rắn	92	18 01 01	KS
9	Ắc quy chì thải	Rắn	3	19 06 01	NH
10	Pin Ni- Cd thải	Rắn	3	19 06 02	NH
11	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	1	08 02 04	KS

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã chất thải nguy hại	Ký hiệu phân loại
12	Vật liệu mài ra nhiễm dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	820	07 03 11	NH
13	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (thiết bị văn phòng)	Rắn	150	19 02 06	NH
Tổng số lượng		-	8.196	-	-

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Dụng cụ cắt kim loại không nhiễm dầu bị loại bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	450
2	Bao bì, giấy loại bỏ từ văn phòng	Rắn	18 01 06	TT-R	35
3	Vụn nhựa không nhiễm dầu	Rắn	10 03 05	TT-R	40
4	Vụn sứ không nhiễm dầu	Rắn	06 02 09	TT-R	100
5	Hộp mực in văn phòng	Bùn	08 02 08	TT	1,5
Tổng cộng		-			626,5

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt:	-	1.872
	- <i>Chất thải rắn thực phẩm</i>	-	936
	- <i>Chất thải rắn có thể tái chế</i>	-	280,8
	- <i>Chất thải rắn còn lại</i>	-	655,2
Tổng cộng			1.872

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 13 thùng chứa phuy sắt chuyên dụng có thể tích 200L đối với từng loại chất thải.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo và diện tích khu lưu chứa:

+ Diện tích: 9 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông, vách ngăn ngăn cách, khay chống tràn và dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại. Vị trí bố trí theo đúng quy định tại Điều 35 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 7 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Nền bê tông, vách ngăn ngăn cách.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: 03 thùng chứa chuyên dụng 240l có nắp đậy, được đặt bên ngoài nhà xưởng.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên

và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1460~~ 2/GPMT-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Hoạt động đúng ngành đã đăng ký thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6518154986, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 10 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 24 tháng 02 năm 2023, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 12 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp Long Đức.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Long Đức, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
11. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho cơ sở.
12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./